

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày 13/7/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Diêm Đăng Hoạt

2. Bà Giáp Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2022/TLST-DS ngày 06/2/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự.

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Nguộn A, xã Cao X, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. *

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu X, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Tân Tiên, thị trấn Cao Th, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Xuân Ch, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Nguộn A, xã Cao X, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là bà Tạ Thị Nga trình bày:

Vợ chồng chị có cho anh X vay 5 lần tiền với số tiền vay cụ thể như sau: Ngày 13/2/2021 vay 11.500.000 đồng, ngày 15/2/2021 vay 2.000.000 đồng, ngày 26/2/2021 vay 600.000 đồng, ngày 30/2/2021 vay 5.000.000 đồng, ngày 17/3/2021 vay 2.500.000 đồng. Tổng số tiền vay là 21.600.000 đồng. Các lần vay hai bên không viết giấy biên nhận tiền vì tin tưởng nhau. Thỏa thuận miệng là không trả lãi, không thỏa thuận tài sản bảo đảm, thời hạn trả là khi nào vợ chồng chị cần thì sẽ thông báo để anh X thu xếp trả và trừ dần vào tiền làm công của anh X. Sau đó chị có nhiều lần yêu cầu anh X trả tiền nhưng anh X không trả. Đến ngày 26/12/2021, hai bên cộng sổ cộng số ngày công anh X làm là 42,5 ngày tương ứng với số tiền công 300.000 đồng/01 ngày là 12.750.000 đồng. Sau khi đó trừ tiền công 21.600.000 đồng – 12.750.000 đồng = 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Anh X viết giấy

ghi nợ số tiền 8.850.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả cuối tháng 4/2022 (âm lịch). Chữ ký và chữ viết tại giấy ghi nợ ngày 26/12/2022 là chữ viết và chữ ký của anh X, đến thời hạn thì anh X không thanh toán trả vợ chồng chị. Ngày 06/6/2022, anh X trả thêm số tiền 1.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu anh X phải trả vợ chồng chị số tiền 7.850.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Tại phiên tòa chị T có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Hữu X trình bày như sau:*

Khoảng giữa năm 2021 anh vay vợ chồng chị T, anh Ch số tiền 21.600.000 đồng. Khi vay hai bên không viết giấy biên nhận tiền, không phải trả lãi, không thỏa thuận tài sản bảo đảm cũng không thỏa thuận thời hạn trả tiền mà trừ dần vào tiền công anh đi làm thuê cho vợ chồng chị T. Mục đích vay là để chi tiêu cá nhân. Đến ngày 26/12/2022, hai bên cộng sổ công và tính toán tiền công sau đó trừ nợ chót sổ anh còn nợ vợ chồng chị T số tiền 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T, anh Ch yêu cầu anh viết giấy ghi nợ số tiền 8.850.000 đồng, hạn cuối tháng 4/2022 (âm lịch) sẽ thanh toán trả. Anh Xc định chữ ký và chữ viết tại giấy ghi nợ ngày 26/12/2022 là chữ viết và chữ ký của anh. Từ ngày 26/12/2022, vợ chồng chị T, anh Ch không có việc làm, anh không đi làm cho vợ chồng chị T nữa nên anh không có tiền trả nợ. Nay anh Xc định còn nợ vợ chồng anh Ch, chị T số tiền 7.850.000 đồng, anh đồng ý trả nhưng anh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng/tháng. Về tiền lãi chị T không yêu cầu anh phải trả lãi anh nhất trí.

Tại phiên tòa anh X có mặt và trình bày như trên.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Xuân Ch trình bày:

Anh X có vay vợ chồng anh 5 lần tiền với số tiền vay cụ thể như sau: Ngày 13/2/2021 vay 11.500.000 đồng, ngày 15/2/2021 vay 2.000.000 đồng, ngày 26/2/2021 vay 600.000 đồng, ngày 30/2/2021 vay 5.000.000 đồng, ngày 17/3/2021 vay 2.500.000 đồng. Tổng số tiền vay là 21.600.000 đồng. Các lần vay hai bên không viết giấy biên nhận tiền, không phải trả lãi, không thỏa thuận tài sản bảo đảm. Thỏa thuận thời hạn trả là khi nào vợ chồng anh cần thì sẽ thông báo để anh X thu xếp trả và trừ vào tiền công của anh X. Sau đó anh X không làm cho vợ chồng anh nữa anh đã nhiều lần yêu cầu anh X trả tiền nhưng anh X không trả. Đến ngày 26/12/2021, hai bên cộng sổ cộng và tính toán tiền công sau đó trừ số tiền công của anh Xc thì anh X nợ số tiền 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) và viết giấy ghi nợ số tiền 8.850.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả cuối tháng 4/2022 (âm lịch). Chữ ký và chữ viết tại giấy ghi nợ ngày 26/12/2022 là chữ viết và chữ ký của anh X, đến thời hạn anh X không thanh toán, ngày 06/6/2022, anh X trả tiếp số tiền 1.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu anh X phải thanh toán trả vợ chồng anh số tiền trên, anh không yêu cầu trả.

Tại phiên tòa anh Ch xin vắng mặt.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc anh Nguyễn Hữu X trả chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân Ch số tiền 7.850.000 đồng. Anh Nguyễn Hữu X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện anh X có nơi cư trú tại tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Cao Th, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang để yêu cầu trả số tiền đã cho vay. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà, anh Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn:

- Về tiền gốc: Theo sự thừa nhận của các đương sự thì các bên đều Xc nhận anh X có vay chị T, anh Ch 05 lần tiền với số tiền vay cụ thể: Ngày 13/2/2021 vay 11.500.000 đồng, ngày 15/2/2021 vay 2.000.000 đồng, ngày 26/2/2021 vay 600.000 đồng, ngày 30/2/2021 vay 5.000.000 đồng, ngày 17/3/2021 vay 2.500.000 đồng. Tổng số tiền vay là 21.600.000 đồng. Các lần vay hai bên không viết giấy biên nhận tiền, không thỏa thuận lãi suất, không tài sản bảo đảm. Phương thức trả nợ là trừ dần vào tiền làm công của anh X (làm phụ hồ X dựng tính theo ngày công không có hợp đồng lao động). Sau khi anh X làm được 42,5 ngày tương ứng với số tiền công 300.000 đồng/01 ngày là 12.750.000 đồng thì không làm tiếp cho vợ chồng chị T nữa. Ngày 26/12/2022, các bên chốt sổ công, sổ nợ và trừ tiền công của anh X thì số tiền còn lại là 21.600.000 đồng – 12.750.000 đồng = 8.850.000 đồng. Do không có tiền trả nên anh X viết giấy ghi nợ số tiền 8.850.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả cuối tháng 4/2022 (âm lịch). Ngày 06/6/2022, anh X trả thêm số tiền 1.000.000 đồng nay số tiền anh X còn nợ chị T, anh Ch là 7.850.000 đồng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ phù hợp với nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 26/12/2022 được lập giữa chị T và anh X và phù hợp với lời khai của các bên. HĐXX nhận định, đến nay anh X chưa trả số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết thì anh X có đồng ý trả số 7.850.000 đồng nhưng đề nghị trả dần mỗi tháng 500.000 đồng/tháng tuy nhiên chị T không đồng ý với phương thức trả dần mà yêu cầu anh X thanh toán trả ngay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh X phải trả số tiền gốc còn lại

7.850.000 đồng đồng là có căn cứ.

- Về tiền lãi: Chị T, anh Ch không yêu cầu trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét về số tiền lãi suất.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sự thừa nhận của vợ chồng chị T, anh Ch thì số tiền số tiền 7.850.000 đồng là tiền tài sản Ch của vợ chồng cho cá nhân anh X vay tiền để chi tiêu cá nhân nên chỉ yêu cầu một mình anh X trả số tiền nợ gốc là số tiền 7.850.000 đồng, không yêu cầu vợ, con của anh X. HĐXX xét thấy chị T chỉ yêu cầu anh X phải trả nợ, anh X thừa nhận có vay số tiền 7.850.000 đồng, anh Xc định trách nhiệm trả nợ là một mình anh nên HĐXX buộc anh X phải trả cho chị T, anh Ch số tiền 7.850.000 đồng, không có ai có trách nhiệm liên đới với anh X.

[3] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh X phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự. Như vậy là phù hợp với khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466; Điều 469; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Hữu X.

Buộc anh Nguyễn Hữu X phải trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Xuân Ch số tiền 7.850.000 đồng.(Bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu X phải chịu 392.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011689

ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Hiền Diêm Đăng Hoạt

Nguyễn Thị Duyên